

**TÒA ÁN NHÃ DÃ
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 10 – 01 – 2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÃ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÃ DÃ HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhÃ dÃ:

1. Ông Lý Khắc Chung
2. Ông Huỳnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhÃ dÃ huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhÃ dÃ huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhÃ dÃ huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhÃ và gia đình thụ lý số: 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 507/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 233/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NTKV, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh NHA, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 95, tổ 03, ấp Thạnh An, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn chị V trình bày như sau: Năm 2012, chị V và anh A tự nguyện tiến đến hôn nhÃ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhÃ dÃ xã Vĩnh Thạnh Trung. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn vì không hợp ý nhau, bất đồng quan điểm, thường gây cãi. Từ năm 2016 thì chúng tôi đã ly thÃ đến nay không còn liên lạc nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A. Về con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là NTMA, sinh ngày 22/11/2013. Khi ly hôn chị V yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh A nhưng anh A không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị V.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung; về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh A: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhÃ dÃ huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuÃ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phÃ công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dÃ sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dÃ sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dÃ sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị V và anh A chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhÃ, về con chung. Từ khi chị V nộp đơn ly hôn đến nay vợ chồng không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ, anh A không quan tâm cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhÃ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhÃ và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

+ Về con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là NTMA, sinh ngày 22/11/2013. Khi ly hôn chị V yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con thì chị V có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị V trực tiếp nuôi, chị V có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi, chị V không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh A vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Thạnh An, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhÃ dÃ huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015;

- Bị đơn anh A đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dA sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Chị V và anh A chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, chị V trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 có nhiều mâu thuẫn, năm 2016 đã ly thA đến nay. Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh A không đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhA, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh, ban áp cung cấp thông tin vợ chồng chị V như sau: Anh A và chị V thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn, chị V và anh A sống ly thA năm 2016 đến nay. Tại phiên tòa, chị V xác định kiên quyết ly hôn, do không thể hòa thuận và không thể tiếp tục chung sống với anh A do tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh A không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhA không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhA và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

+ Về con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là NTMA, sinh ngày 22/11/2013. Khi ly hôn chị V yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, về điều kiện nuôi con thì chị V đảm bảo có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị V trực tiếp nuôi, chị V có thu nhập ổn định, đảm bảo việc nuôi con. Anh A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi. Chị V không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhA và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001080 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dA sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị NTKV được ly hôn với anh NHA.

- Về con chung: Giao con chung NTMA, sinh ngày 22/11/2013 cho chị NTKV trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị V không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Chị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị NTKV phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001080 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã VTT;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

